

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HS-ST

Ngày: 11/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Lữ Văn Công – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Lương Thị Hồng Hà - Giáo viên Trường trung học phổ thông Nguyễn Minh Quang - thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Huế Phương - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/HSST ngày 23 tháng 02 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thành P1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004; Nơi sinh: huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: 11/12; Cha ruột: Nguyễn Văn S, sinh năm 1980 (còn sống); Mẹ ruột: Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1983 (còn sống); Anh chị em ruột: 02 người, lớn sinh năm 2002, nhỏ bị cáo; Vợ: Không có; Con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần. Bị cáo bị Công an huyện S, tỉnh Sóc Trăng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây tích theo Quyết định số 35/QĐ-XPHC, ngày 20/3/2023, số tiền phạt là 5.000.000đ. P1 chưa đóng phạt;

Về N thân:

- Bị cáo Nguyễn Thành P1 bị Tòa án Nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 39/2023/QĐ-TA ngày 11/8/2023, thời hạn 18 tháng.

- Ngày 16/11/2023, bị cáo Nguyễn Thành P1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Sóc Trăng khởi tố về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thành P1 bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Nguyễn Tấn B; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14 tháng 5 năm 2007; Nơi sinh: huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Ấp K, xã H, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: 09/12; Cha ruột: Trần Vũ L, sinh năm 1981 (còn sống); Mẹ ruột: Nguyễn Thị Lo, sinh năm 1983 (còn sống); Anh chị em ruột: 02 người. Lớn bị cáo, nhỏ sinh năm 2013; Vợ: Không có; Con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo Trần Nguyễn Tấn B bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Hữu P; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05 tháng 5 năm 2000; Nơi sinh: huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: 07/12; Cha ruột: Lê Văn O, sinh năm 1975 (đã chết); Mẹ ruột: Thiều Thị H, sinh năm 1980 (còn sống); Anh chị em ruột: 02 người. Lớn bị cáo, nhỏ sinh năm 2002; Vợ: Không có; Con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về N thân: Bị cáo Lê Hữu P bị Tòa án Nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 37/2023/QĐ-TA ngày 07/8/2023, thời hạn 18 tháng.

- Bị cáo Lê Hữu P bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Hoàng N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15 tháng 11 năm 2006; Nơi sinh: huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: 09/12; Cha ruột: Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1979 (còn sống); Mẹ ruột: Phạm Linh K, sinh năm 1984 (còn sống); Anh chị em ruột: Không có; Vợ: Không có; Con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Về N thân:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng N bị Tòa án Nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 32/QĐ-TA, ngày 07/7/2023, thời hạn 09 tháng.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Sóc Trăng khởi tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng N bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Võ Quốc T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 25 tháng 3 năm 2007; Nơi sinh: Bệnh viện đa khoa TP Ngã Bảy; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: 09/12; Cha ruột: Võ Hoàng B, sinh năm 1966 (còn sống); Mẹ ruột: Thiều Thị P, sinh năm 1967 (còn sống); Anh chị em ruột: 03 người. Lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất bị cáo; Vợ: Không có; Con: Không có; Tiền án: Không; Tiền

sự: Không; Bị cáo Võ Quốc T bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Quốc H; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08 tháng 8 năm 2006; Nơi sinh: huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Ấp A, xã Ba, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: 09/12; Cha ruột: Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 (còn sống); Mẹ ruột: Lê Thị G, sinh năm 1978 (còn sống); Anh chị em ruột: 02 người. Lớn sinh năm 2001, nhỏ bị cáo; Vợ: Không có; Con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Quốc H bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024 cho bảo lãnh đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Dương Hoài H; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27 tháng 4 năm 2006; Nơi sinh: huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: 06/12; Cha ruột: Không xác định; Mẹ ruột: Dương Thị Bích T, sinh năm 1989 (còn sống); Anh chị em ruột: Không có; Vợ: Không có; Con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo Dương Hoài H bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024 cho bảo lãnh đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Nguyễn Văn Chí T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21 tháng 4 năm 2007; Nơi sinh: huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: 06/12; Cha ruột: Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 (còn sống); Mẹ ruột: Hồ Thị Đ, sinh năm 1984 (còn sống); Anh chị em ruột: 02 người. Lớn bị cáo, nhỏ sinh năm 2012; Vợ: Không có; Con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo Nguyễn Văn Chí T bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024 cho bảo lãnh đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Trần Quốc K; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20 tháng 12 năm 2006; Nơi sinh: huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: 07/12; Cha ruột: Trần Quốc K, sinh năm 1980 (còn sống); Mẹ ruột: Lâm Thị Bạch T, sinh năm 1975 (còn sống); Anh chị em ruột: 02 người. Lớn sinh năm 2003, nhỏ bị cáo; Vợ: Không có; Con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo Trần Quốc K bị tạm giam từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024 cho bảo lãnh đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo Võ Quốc T, Trần Nguyễn Tấn B, Nguyễn Quốc H:* Bà Đồng Thị Cẩm Nhung là Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Văn Chí T, Dương Hoài H, Trần Quốc K:* Ông Ngô Nhật Linh là Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- *Người giám hộ cho bị cáo Võ Quốc T:* Bà Thiều Thị P, sinh năm 1967; (Có mặt)
Trú tại: Ấp A, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người giám hộ cho bị cáo Trần Nguyễn Tấn B:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983;(Có mặt)
- Trú tại: Ấp A, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.
- *Người giám hộ cho bị cáo Nguyễn Quốc H:* Bà Lê Thị G, sinh năm 1978;
Trú tại: Ấp A, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.
- *Người giám hộ cho bị cáo Nguyễn Văn Chí T:* Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1984;
Trú tại: Ấp A, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.
- *Người giám hộ cho bị cáo Dương Hoài H:* Ông Dương H, sinh năm 1960;(Có mặt)
Trú tại: Ấp C, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.
- *Người giám hộ cho bị cáo Trần Quốc K:* Ông Trần Quốc K, sinh năm 1980;(Có mặt)
- *Người giám hộ cho bị cáo Nguyễn Hoàng N:* Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1951.(Có mặt)
Trú tại: Ấp C, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.
- Bị hại:* Nguyễn Chí D1, sinh ngày 20/11/2005;(Có mặt)
- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà Nguyễn Thị Út N1, sinh năm 1981;(Có mặt)
Trú tại: Ấp M, xã P, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.
- *Đại diện Đoàn thanh niên xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.*
- *Đại diện Đoàn thanh niên xã Đ, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.*
- *Đại diện Đoàn thanh niên xã P, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.*
- *Người làm chứng:* Lê Minh H2, sinh ngày 25/10/2006;(Vắng mặt)
- Đại diện hợp pháp của Lê Minh H2:* Ông Lê Văn P, sinh năm 1973.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 13/6/2023, Trần Nguyễn Tấn B, Nguyễn Văn Chí T, Nguyễn Quốc H cùng với Nguyễn Hữu T3, Võ Hoàng Đ, Nguyễn Văn T4 đến đường Vũ Đình Liệu (đường Bờ Hồ) thuộc khu vực VI, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang uống cà phê thì xảy ra mâu thuẫn với một nhóm thanh niên không rõ lai lịch, B2 và H bị nhóm thanh niên dùng nón bảo hiểm đánh trúng vào đầu nhưng không gây thương tích, tức giận do bị đánh nên B2 nảy sinh ý định tìm nhóm thanh niên để chém trả thù. Đến khoảng 17 giờ ngày 14/6/2023, B2 điện thoại cho Nguyễn Thành P1 để nhờ P1 giúp chém nhóm thanh niên đã đánh B2 trả thù thì P1 đồng ý và kêu B2 đến quán cà phê Nhã Trân ở ấp 7, xã Ba Trinh, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; lúc này tại quán Nhã Trân gồm có P1, Nguyễn Hoàng N, Lê Hữu P, Võ Quốc T và Dương Hoài H đang uống cà phê, sau khi điện thoại cho P1, B2 kêu Th2 và H đến quán Nhã Trân để gặp P1 nhờ P1 trả thù cho B2, Th2 và H đồng ý. Th2 điều khiển xe gắn máy biển số kiểm soát 49AE-031.42 chở B2 và H đến quán Nhã Trân, khi đi B2 mang theo 01 cây dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt dài khoảng 30cm. Khi đến quán Nhã Trân B2 tiếp tục điện thoại cho Trần Quốc K kêu K đến quán Nhã Trân để chở B2 đến thành phố Ngã Bảy tìm chém nhóm thanh niên đã đánh B2, K đồng ý rồi điều khiển xe gắn máy biển số kiểm soát 83CA-020.50 chạy đến quán Nhã Trân. Sau khi điện thoại cho K thì B2 kể lại việc bị nhóm thanh niên không rõ lai lịch ở thành phố Ngã Bảy đánh vào ngày 13/6/2023 cho cả nhóm nghe và B2 tiếp tục kêu cả nhóm giúp B2 tìm nhóm

thanh niên đã đánh B2 để chém trả thù, cả nhóm đều đồng ý. P1 phân công K, H, H điều khiển xe chở P1, B2, P, N, Th1 và Th2, phân công xong P1 ra phía sau quán lấy 01 cây dao tự chế cán bằng sắt, lưỡi bằng sắt dài khoảng 01m, P cũng ra phía sau quán lấy 03 cây dao tự chế, P giữ 01 cây dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt dài khoảng 60cm, P đưa cho N 01 cây dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt dài khoảng 60cm, đưa cho Th1 01 cây dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt dài khoảng 50cm. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm bắt đầu xuất phát, theo sự phân công của P1, H điều khiển xe gắn máy biển số kiểm soát 49AE-031.42 chở Th1 và B2 (Th1 và B2 mỗi người cầm 01 cây dao tự chế), K điều khiển xe gắn máy biển số kiểm soát 83CA-020.50 chở P1 cầm dao tự chế và Th2, H điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu xanh, không gắn biển số của P chở P và N (P và N mỗi người cầm 01 cây dao tự chế), P1 nói với cả nhóm “ai có cầm dao thì xuống chém”, cả nhóm hiểu là khi gặp những thanh niên đã đánh B2 vào tối ngày 13/6/2023 thì những người trong nhóm có cầm dao đều phải xuống chém nhóm đã đánh B2.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày cả nhóm đến quán cà phê Sunset ở đường Vũ Đình Liệu (đường Bờ Hồ) thì thấy có một nhóm người đang uống cà phê gồm: Nguyễn Chí D1, Lê Minh H2, Trần Nhật K, Nguyễn Văn K2, Đinh Quốc T3, Nguyễn Quốc K3 và các đối tượng tên Dung, Trúc, Ngọc và Sơn. Khi thấy nhóm của D1 thì B2 vừa chỉ tay vừa nói với P1 “hình như là nó hay gì đó”, lúc này cả nhóm dừng xe lại P1 cầm dao tự chế chạy vào trước, Th1, B2, N, P cầm dao tự chế, H, H cầm nón bảo hiểm chạy theo sau, còn Th2 và K ngồi ngoài xe đợi. Khi chạy đến bàn của nhóm Nguyễn Chí D1 đang ngồi thì P1 kéo D1 đứng lên và hỏi B2 “Phải thằng này không?” nhưng không nghe B2 trả lời, P1 liền dùng dao tự chế chém về phía D1, D1 đưa tay trái lên đỡ dần đến thương tích ở cẳng tay trái, bị P1 chém D1 và những người bạn của D1 bỏ chạy, P1, P, N, Th1, B2 cầm dao tự chế, H, H cầm nón bảo hiểm rượt đuổi đánh, chém D1 và những người bạn của D1, trong lúc rượt đuổi thì P chém 01 nhát trúng vào vùng lưng của D1, Th1 chém 01 nhát trúng vào tay trái của D1, P1 chém 01 nhát trúng vùng lưng của Lê Minh H2 gây thương tích. Sau khi D1 và những người bạn của D1 bỏ chạy hết thì B2 điều khiển xe 49AE-031.42 chở Th1 cầm dao tự chế và H cầm dao tự chế (dao của B2), K điều khiển xe 83CA-020.50 chở P1 cầm dao tự chế và P cầm dao tự chế, Th2 điều khiển xe Wave màu xanh, không gắn biển số của P chở H và N cầm dao tự chế chạy về quán Nhã Trân, P1, B2, P đem 05 cây dao tự chế ra phía sau quán Nhã Trân cất giấu rồi B2 nói với cả nhóm đã chém nhầm người. Đối với Nguyễn Chí D1 và Lê Minh H2 bị thương tích được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa thành phố Ngã Bảy điều trị. Sau đó, D1 được chuyển đến Bệnh viện Hoàn Mỹ Cửu Long điều trị vết thương.

Ngày 26/6/2023 bà Nguyễn Thị Út N là mẹ của Nguyễn Chí D1 làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và giám định thương tích.

Đối với Lê Minh H2 do bị thương tích nhẹ nên ngày 02/7/2023 Lê Minh H2 viết đơn từ chối giám định.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thành P1, Trần Nguyễn Tấn B, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T và Trần Quốc K đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên (BL 253-260, 266-273, 279-286, 292-299, 305-312, 317-326, 332-339, 345-352, 356-365 tập 2).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 140/KLTTCT-TTPY ngày 07/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Hậu Giang kết luận tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe của Nguyễn Chí D1 như sau:

Về thương tích:

- Vết sẹo vùng lưng trái, kích thước: dài 6,9cm, rộng 0,6cm, bờ mép sắc gọn.
- Vết sẹo mặt sau 1/3 dưới cánh tay trái, kích thước: dài 6,2cm, rộng 0,7cm, bờ mép sắc gọn (vết làm đứt vỏ xương).
- Vết sẹo phẫu thuật hình chữ Z mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước: dài 7,8cm, rộng 0,7cm, bờ mép sắc gọn (phẫu thuật kết hợp xương trụ).

Cận lâm sàng: Xquang xương cánh - cẳng tay trái: Đứt vỏ xương vùng 1/3 dưới xương cánh tay trái; Gãy 1/3 dưới xương trụ trái, còn dụng cụ kết hợp xương; Đứt vỏ xương vùng 1/3 dưới xương quay trái.

Kết luận:

1. Các kết quả chính: Đa vết sẹo phần mềm; Đứt vỏ xương vùng 1/3 dưới xương cánh tay trái và 1/3 dưới xương quay trái; Gãy 1/3 dưới xương trụ trái.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Chí D1 tại thời điểm giám định là 20%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Tỷ lệ phần trăm thương tích từng vết thương:

- Vết sẹo vùng lưng trái gây tổn thương cơ thể hiện tại. Theo Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế là: 03%.
- Vết sẹo mặt sau 1/3 dưới cánh tay trái gây tổn thương cơ thể hiện tại. Theo Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế là: 05%.
- Vết sẹo phẫu thuật hình chữ Z mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái gây tổn thương cơ thể hiện tại. Theo Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế là: 13%.

2.3. Vật gây ra thương tích: Các vết sẹo vùng lưng trái, cánh tay trái và cẳng tay trái do vật sắc bén gây nên.

Vật chứng trong vụ án Cơ quan điều tra đã tạm giữ và xử lý như sau: Trả cho bà Hồ Thị Đ (mẹ bị cáo Nguyễn Văn Chí T) 01 xe gắn máy biển số kiểm soát 49AE-031.42; Trả cho anh Trần Quốc G (anh ruột Trần Quốc K) 01 xe gắn máy biển số kiểm soát 83CA-020.50.

Đối với vật chứng vụ án gồm: 05 cây dao tự chế và 02 cái nón bảo hiểm không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Chí D1 và đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Út Nhỏ yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tổng số tiền 81.000.000đ (mỗi bị cáo 9.000.000đ). Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại D1 số tiền 78.000.000đ. Bị hại D1 và gia đình đã nhả số tiền 78.000.000đ và tiếp tục yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 3.000.000đ. Đối với Lê Minh H2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS-TPNB, ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Thành P1, Trần Nguyễn Tấn B, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T, Trần Quốc K về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành P1, Trần Nguyễn Tấn B, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T, Trần Quốc K phạm tội “cố ý gây thương tích”.

1/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P1 mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16/11/2023.

2/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Tấn B mức án từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 15/11/2023.

3/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017). Xử phạt bị cáo Lê Hữu P mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16/11/2023.

4/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16/11/2023.

5/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Quốc T mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 15/11/2023.

6/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H mức án từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024.

7/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Dương Hoài H mức án từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024.

8/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Chí T mức án từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024.

9/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Quốc K mức án từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024.

Về vật chứng: Đã trả cho bà Hồ Thị Đ (mẹ bị cáo Nguyễn Văn Chí T) 01 xe gắn máy biển số kiểm soát 49AE-031.42 và trả cho anh Trần Quốc Giáp (anh ruột Trần

Quốc K) 01 xe gắn máy biển số kiểm soát 83CA-020.50. Đối với 05 cây dao tự chế và 02 cái nón bảo hiểm không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Chí D1 và đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Út Nhỏ yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tổng số tiền 81.000.000đ (mỗi bị cáo 9.000.000đ). Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại D1 số tiền 78.000.000đ. Bị hại D1 và gia đình đã NH số tiền 78.000.000đ và tiếp tục yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 3.000.000đ. Đối với Lê Minh H2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Bà Đồng Thị Cẩm Nhung, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Võ Quốc T, Trần Nguyễn Tấn B, Nguyễn Quốc H: Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Ngã Bảy truy tố các bị cáo Võ Quốc T, Trần Nguyễn Tấn B, Nguyễn Quốc H về tội danh theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án thấp nhất mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Ông Ngô Nhật Linh, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Văn Chí T, Dương Hoài H, Trần Quốc K: Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Ngã Bảy truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Văn Chí T, Dương Hoài H, Trần Quốc K về tội danh theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án thấp nhất mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa các bị cáo khai NH toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không phát biểu tranh luận. Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ngã Bảy, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Ngã Bảy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai NH toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai NH của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện: Do tối ngày 13/6/2023, các bị cáo Trần Nguyễn Tấn B, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn Chí T mâu thuẫn với nhóm thanh niên không rõ lai lịch, nên khoảng 17 giờ ngày 14/6/2023, bị cáo B2 điện thoại cho bị cáo P1 để nhờ bị cáo P1 giúp chém nhóm thanh niên đã đánh B2 trả thù, bị cáo P1 đồng ý và kêu bị cáo B2 đến quán Nhã Trân, lúc này tại quán Nhã Trân có các bị cáo P1, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Dương Hoài H và Võ Quốc T đang uống cà phê, điện thoại cho bị cáo P1 xong, bị cáo B2 rủ thêm các bị cáo H, Th2 và Trần Quốc K đến quán Nhã Trân để giúp bị cáo B2 trả thù. Tại quán Nhã Trân bị cáo P1 phân công các bị cáo K, H, H điều khiển xe chở

các bị cáo P1, B2, P, N, Th1 và Th2, còn các bị cáo P1, B2, P, N và Th1 mỗi người mang theo 01 cây dao tự chế, trước khi xuất phát thì bị cáo P1 nói với nhóm “ai cầm dao thì xuống chém” nhóm thanh niên đã đánh bị cáo B2 thì cả nhóm đã thống nhất ý chí theo sự phân công của bị cáo P1. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, nhóm bị cáo P1 đến quán Sunset ở đường Vũ Đình Liệu (đường Bờ Hồ) thì gặp nhóm của bị hại Nguyễn Chí D1 đang uống nước trong quán, các bị cáo P1, B2, P, N và Th1 cầm dao tự chế, các bị cáo H và H cầm nón bảo hiểm rượt đánh chém nhóm của bị hại D1, hậu quả bị hại D1 bị thương tích ở vùng cánh, cẳng tay trái và vùng lưng, với tỷ lệ thương tích gây tổn hại đến sức khỏe của bị hại D1 là 20%. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3]. Về tình tiết định khung hình phạt: Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, theo yêu cầu của bị cáo B2 tìm nhóm thanh niên chém trả thù, thì bị cáo P1 đồng ý, rủ rê các bị cáo và phân công vai trò thực hiện tội phạm cho các bị cáo trong nhóm, các bị cáo dùng dao tự chế chém gây thương tích bị hại D1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20%, đây là các tình tiết định khung hình phạt là dùng hung khí nguy hiểm, có tổ chức và có tính chất côn đồ, được quy định tại điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Ngã Bảy truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành P1, Trần Nguyễn Tấn B, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T, Trần Quốc K về Tội cố ý gây thương tích, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Thành P1 và Trần Nguyễn Tấn B xúi dục các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T và Trần Quốc K là người dưới 18 tuổi phạm tội nên các bị cáo P1 và B2 bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T và Trần Quốc K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Thành P1, Trần Nguyễn Tấn B, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T và Trần Quốc K quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Chí D1, bị hại D1 và gia đình đã tự nguyện viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Riêng các bị cáo Trần Nguyễn Tấn B, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T, Trần Quốc K thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người chưa thành niên, khi áp dụng hình phạt sẽ xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo theo quy định tại Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[6] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, trong đó bị cáo Nguyễn Thành P1 là người cầm đầu rủ rê các bị cáo Trần Nguyễn Tấn B, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T và Trần Quốc K thực hiện hành vi phạm tội do đó hình phạt áp dụng đối với bị cáo P1 phải nghiêm khắc hơn và cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Trần Nguyễn Tấn B, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T và Trần Quốc K thể hiện vai trò đồng phạm giúp sức tích cực, hành vi phạm tội của các bị thể hiện bản chất lưu manh, côn đồ, xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác. Do đó, đối với các bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7]. Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành P1, Trần Nguyễn Tấn B, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T Dương phù hợp với NH định của Hội đồng xét xử nên chấp NH.

Đối với mức hình phạt của các bị cáo Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T và Trần Quốc K mà Kiểm sát viên đề nghị là nhẹ, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Chí D1 và đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Út Nhỏ yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tổng số tiền 81.000.000đ (mỗi bị cáo 9.000.000đ). Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại D1 số tiền 78.000.000đ. Bị hại D1 và gia đình đã NH số tiền 78.000.000đ và tiếp tục yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 3.000.000đ. Đối với Lê Minh H2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

[9]. Về vật chứng: Vật chứng là hung khí gây án không thu giữ được, nên không đặt ra để xem xét.

[10]. Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành P1, Trần Nguyễn Tấn B, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T và Trần Quốc K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16/11/2023.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Tấn B 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 15/11/2023.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017). Xử phạt bị cáo Lê Hữu P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16/11/2023.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16/11/2023.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Quốc T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 15/11/2023.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024 (85 ngày).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Dương Hoài H 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024 (85 ngày).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Chí T 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024 (85 ngày).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Quốc K 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 15/11/2023 đến ngày 07/02/2024 (85 ngày).

2. Về vật chứng: Không có.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự, buộc cáo ông Nguyễn Hoàng Vũ và bà Phạm Linh Kỳ là cha, mẹ của bị cáo N tiếp tục bồi thường số tiền 3.000.000đ cho bị hại Nguyễn Chí D1.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thành P1, Trần Nguyễn Tấn B, Lê Hữu P, Nguyễn Hoàng N, Võ Quốc T, Nguyễn Quốc H, Dương Hoài H, Nguyễn Văn Chí T và Trần Quốc K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo N phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng)

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo, bị hại, người bào chữa cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nH:

- TAND tỉnh Hậu Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP Ngã Bảy;
- Công an TP Ngã Bảy;
- THAHS Công an TP Ngã Bảy;
- Chi cục THADS TP Ngã Bảy;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lữ Văn Công

Lương Thị Hồng Hà

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa